

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2018;

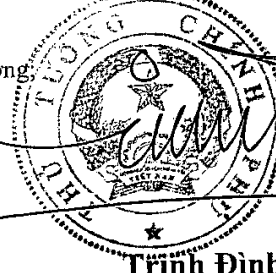
2. Chấm dứt hiệu lực của Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).XH 204

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

QUY ĐỊNH

**Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả;
quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về:

1. Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư.
2. Phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.
3. Quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc xác định, thu, quản lý và sử dụng tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước để thăm dò, khai thác khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin đánh giá tiềm năng khoáng sản được thống kê để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả là toàn bộ các số liệu, dữ liệu, bản đồ được thu thập và tổng hợp trong quá trình đánh giá tiềm năng khoáng sản (trừ dầu khí và nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước

nóng thiên nhiên) thể hiện trong các báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản có xác định tài nguyên khoáng sản đến cấp 333 hoặc trữ lượng cấp C_2 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin thăm dò khoáng sản được thống kê để xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả là toàn bộ các số liệu, dữ liệu, bản đồ được thu thập và tổng hợp trong quá trình thăm dò khoáng sản (trừ dầu khí và nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên) thể hiện trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản được thống kê để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, bao gồm:

a) Các cấp trữ lượng A, B, C_1 , C_2 trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được xác định theo “Quy phạm tạm thời về phân cấp trữ lượng khoáng sản và phân chia giai đoạn thăm dò các khoáng sản rắn” ban hành tại Quyết định số 03/QĐ-HĐ ngày 02 tháng 3 năm 1973 của Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt trữ lượng khoáng sản;

b) Các cấp trữ lượng 121, 122 và các cấp tài nguyên 221, 222 và 333 trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (hoặc các báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên) được xác định theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.

4. Đơn vị xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (sau đây gọi tắt là Đơn vị xác định chi phí hoàn trả) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường), đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 4. Thống kê khối lượng trong xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

1. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả (bao gồm cả các mỏ nước khoáng, khí CO_2) được xác định căn cứ vào khối lượng các hạng mục công trình địa chất đã thi công trong diện tích đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản bao gồm: Khoan, hào, lò, giếng, đo karota lỗ khoan và công tác mẫu xác định chất lượng khoáng sản trong các công trình nêu trên. Các khối lượng này phải được thể hiện trong các báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản do nhà nước đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước phê chuẩn (gồm các loại báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này).

2. Chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được xác định căn cứ vào toàn bộ khối lượng các hạng mục công việc đã thi công trên diện tích đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản được thể hiện trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư (gồm các loại báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này).

Điều 5. Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả

Công thức xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả như sau

$$Tdg = \sum_{i=1}^n (K_i \times Z_i) \quad (\text{đồng})$$

Trong đó:

Tdg là chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả (đồng Việt Nam);

K_i là khối lượng hạng mục công trình địa chất thứ i ;

i là các hạng mục khoan, hào, lò, giếng, đo karota lỗ khoan và mẫu xác định chất lượng khoáng sản được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ;

Z_i là đơn giá của hạng mục công trình địa chất thứ i được tính theo đơn giá hiện hành tại thời điểm tính.

Điều 6. Phương pháp xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

1. Đối với mỏ được cấp giấy phép khai thác sau khi Quyết định này có hiệu lực:

Công thức xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả như sau:

$$Ttd = Ptd \times \frac{Q_{cp}}{Q_{td}} \quad (\text{đồng})$$

Trong đó:

a) Ttd là chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (đồng Việt Nam);

b) Ptd là tổng chi phí nhà nước đã đầu tư thăm dò khoáng sản, được xác định như sau:

$$Ptd = \sum_{i=1}^n (K_i \times Z_i) + C \times H \quad (\text{đồng})$$